

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 6 - 2021

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Khánh Thành

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2021/TLST - HNGĐ, ngày 03/12/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị N, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Mạc Hồng X, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Tôi kết hôn với anh X năm 1994 trên cơ sở tự nguyện có được tình hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đến năm 2006 thì hai vợ chồng tôi về xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mua đất sinh sống và làm ăn. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng gì. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 08 năm, sau đó anh X nghiện rượu, đánh đập chửi tôi nhiều lần, tôi đã khuyên bảo và nói chuyện với anh X nhưng vẫn không có kết quả, đến năm 2019 tôi đi làm ăn vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh X có 01 con chung: Mạc Văn H, sinh năm 1995, hiện nay cháu H đã trưởng thành đi làm và tự lo cho cuộc sống nên tôi không ý kiến gì.

Về tài sản: Tôi và anh X tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh X lên để giải quyết nhiều lần, tuy nhiên anh không có mặt tại Tòa án, tại biên bản lấy lời khai anh Mạc Hồng X trình bày: Tôi kết hôn với cô N năm 1994 trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đến năm 2006 thì hai vợ chồng tôi về xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mua đất sinh sống và làm ăn từ đó đến nay. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng gì. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ đó cho đến nay không có mâu thuẫn gì, cô Nguyễn khai tôi đánh cô N là sai, vợ chồng sống vẫn hạnh phúc không mâu thuẫn gì, tôi vẫn chăm lo cho gia đình, nay cô N làm đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn về đoàn tụ, Tòa án triệu tập tôi lên để mở phiên họp và phiên hòa giải tôi không tham gia vì tôi không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của cô N mặc dù tôi và cô N đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau, tôi có gọi điện cho cô N nhưng cô N không về.

Về con chung: Tôi và cô N có 01 con chung: Mạc Văn H, sinh năm 1995, hiện nay cháu H đã trưởng thành đi làm và tự lo cho cuộc sống nên tôi không ý kiến gì.

Về tài sản: Do tôi không nhất trí ly hôn nên tôi không ý kiến gì.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị N giao nộp gồm: 01 trích lục kết hôn (bản sao) mang tên Phạm Thị N và Mạc Hồng X, 01 giấy chứng minh nhân dân của chị N (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của cháu H (bản phô tô).

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị xin ly hôn, về con chung đã trưởng thành, về tài sản chị không đề nghị Tòa án xem xét. Anh X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mặc dù đã được triệu tập họp lệ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

- + Cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Mạc Hồng X.
- + Về con chung: Đã trưởng thành.
- + Về tài sản: Không đề nghị xem xét.
- + Về án phí: Chị N phải chịu án phí LHST theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, tuy nhiên anh X

vắng mặt nên Tòa án không tiến hành được, do vậy vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Mạc Hồng X cư trú tại Xóm , xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Mạc Hồng X vắng mặt lần thứ hai không lý do đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh X là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Phạm Thị N và anh Mạc Hồng X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía chị N cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 08 năm, sau đó anh X nghiện rượu, đánh đập chửi chị nhiều lần, chị đã khuyên bảo và nói chuyện với anh X nhưng vẫn không có kết quả, đến năm 2019 chị N đi làm ăn vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh X cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ đó cho đến nay không có mâu thuẫn gì, chị N khai anh đánh chị N là sai, vợ chồng sống vẫn hạnh phúc không mâu thuẫn gì, anh X vẫn chăm lo cho gia đình, nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn về đoàn tụ, Tuy nhiên anh xin đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được phương án nào hòa giải đề thuyết phục chị N về đoàn tụ mặc dù anh xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, Tòa án cũng tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần và tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho anh X nhưng anh vẫn không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến và thuyết phục chị N về đoàn tụ. Tòa án cũng tiến hành xác minh tại cơ sở xóm , xã C, huyện Đại Từ, Ban mặt trận xóm, tại Biên bản xác minh ông Nguyễn Công H Trưởng xóm và ông Lưu Văn H Trưởng ban công tác mặt trận xóm cho biết phía chị N, anh X có việc mâu thuẫn vợ chồng, từ những năm 2017, 2018 ông H là trưởng xóm cũng đã khuyên can chị N đoàn tụ, chị N đi làm ăn ít về nhà, ông H cũng cho biết thêm gia đình chị N cũng nhiều lần nói chuyện với ông việc anh X có đánh chị N, tuy nhiên những lần đó anh X đóng cửa nhà nên hàng xóm không ai biết, phía anh X còn nói với ông H việc anh đã thay toàn bộ khóa trong gia đình để chị N không vào được, ngoài ra

cơ sở xóm cho biết mẹ đẻ chị N và em trai chị N nói với cơ sở xóm về việc anh X đánh chị N nhiều lần, phía gia đình mẹ đẻ chị N và em trai chị N rất bức xúc.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị N và anh X đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 12/2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, phía anh X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, anh không đưa ra được phương án nào để hòa giải thuyết phục chị N về đoàn tụ, mặc dù anh cho rằng anh có gọi điện cho chị N quay về, tuy nhiên chị N cho rằng anh X nói vậy là không đúng vì chị thường xuyên không về nhà sợ khi anh uống rượu sẽ đánh chị. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị N, cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Mạc Hồng X là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị N và anh X cùng xác định có 01 con chung Mạc Văn H, sinh năm 1995, cháu đã trưởng thành đi làm và tự lo cho cuộc sống, tại đơn đề nghị cháu Huỳnh xác định cháu đã trưởng thành, đi làm và tự lo cuộc sống, cháu không đề nghị xem xét gì về công sức đóng góp trong gia đình nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết cả chị N và anh X không đề nghị xem xét về tài sản nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí LHST theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51 và Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N, cho chị Nguyễn được ly hôn anh Mạc Hồng X.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị N phải chịu 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013655 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị N biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

ĐÀO NGỌC HÀI